

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24-01-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lượng;

Bà Khúc Thị Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2023/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện ở: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Văn D từ đầu năm 2008 nhưng đến ngày 20 tháng 10 năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng

nhận kết hôn số 56). Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh **D** ham chơi bài bạc, không cùng chị chia sẻ công việc gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả nên chị phải mang con nhỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh **D**.

Về con chung: Anh chị có 03 con là **Nguyễn Khánh N**, sinh ngày 21/4/2009; **Nguyễn Bảo H1**, sinh ngày 15/6/2013 và **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 20/4/2017, hiện cháu **N** và cháu **H1** đang do anh **D** nuôi dưỡng, cháu **A** đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **A** đến khi đủ 18 tuổi; nhất trí giao cháu **N** và cháu **H1** cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa chị và anh **D** đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh **Nguyễn Văn D** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 13 tháng 12 năm 2023 thống nhất với chị **H** về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Chị **H** đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị **H** xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 03 con như chị **H** đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N** và cháu **H1** đến khi các cháu đủ 18 tuổi; nhất trí giao cháu **A** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị **H** đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh **D** vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị **H** giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Vũ Thị H**, cho chị **Vũ Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Văn D**.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Khánh N**, sinh ngày 21/4/2009 và cháu **Nguyễn Bảo H1**, sinh ngày 15/6/2013 cho anh **Nguyễn Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 20/4/2017 chị **Vũ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **H** đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Vũ Thị H** xin ly hôn anh **Nguyễn Văn D** và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Anh **D** đang cư trú tại **xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng**; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Anh **D** là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **D**.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị H** xin ly hôn anh **Nguyễn Văn D**; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã **N** cung cấp thì hôn nhân của chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Văn D** là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5 năm 2022, do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh **D** ham chơi bài bạc, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị **H** đã mang con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị **H** có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị **H** được ly hôn anh **D** là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Xét nguyện vọng của chị **H** và anh **D** thống nhất chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 20/4/2017; anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Khánh N**, sinh ngày 21/4/2009 và **Nguyễn Bảo H1**, sinh ngày 15/6/2013 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, lời khai của đại diện gia đình đương sự và chính quyền xã **N** cung cấp thì chị **H** làm công nhân thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ chị **H**; anh **D** làm nghề kinh doanh nhỏ thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/ tháng, có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ anh **D**. Các con của anh, chị đều được sự giúp đỡ của hai bên gia đình. Hiện nay chị **H** đang nuôi dưỡng cháu **A**; anh **D** nuôi dưỡng cháu **N** và cháu **H1** rất tốt, đảm bảo, đầy đủ cho các cháu có cuộc sống ổn định, mặt khác, nguyện vọng của cháu **N** và cháu **H1** được ở với anh **D**. Do đó cần giao cháu **A** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu **N** và cháu **H1** cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị **H** và anh **D** sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Vũ Thị H** không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị H** được ly hôn anh **Nguyễn Văn D**.
2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Khánh N**, sinh ngày 21/4/2009; **Nguyễn Bảo H1**, sinh ngày 15/6/2013 cho anh **Nguyễn Văn D** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 20/4/2017 cho chị **Vũ Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị **Vũ Thị H** và anh **Nguyễn Văn D** đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí: Chị **Vũ Thị H** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004626 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị **H** đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị **Vũ Thị H** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh **Nguyễn Văn D** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngũ Đoan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu